

Số: 70 /2024/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 28 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Thực hiện kết luận của Ban cán sự Đảng UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 17 tháng 10 năm 2024 và ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 78 ngày 25 tháng 10 năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1298/TTr-STNMT ngày 25 tháng 10 năm 2024 và Báo cáo thẩm định số 485/BC-STP ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước giải quyết thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Định.

2. Người sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024.

3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất đai.

Điều 3. Tiêu chí, điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác

1. Có phương án trồng rừng thay thế hoặc văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp;
2. Có phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định của pháp luật về trồng trọt;
3. Có đánh giá sơ bộ tác động môi trường hoặc đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chủ dự án thực hiện các thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định.

3. UBND cấp huyện có trách nhiệm xác định diện tích, loại đất cần chuyển mục đích sử dụng; thực hiện chấp thuận phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

4. Các tổ chức, cá nhân có liên quan có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác phải thực hiện theo quy định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị, Chủ đầu tư các dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TNMT;
- Cục KTVB QPPL-Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMT TQVN tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TTTHCB;
- Lưu: VT, K4, K6, K10, K16

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng